Biểu mẫu số 30 - NĐ 31/2017/NĐ-CP

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh		
					Tuyệt đối	Tương đối (%)	So với dự toán 2022
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2	6=3/1
A	**NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**						
I	**Nguồn thu ngân sách**	**10,348,256**	**11,635,600**	**13,711,426**	**2,075,826**	117.84%	132.50%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1,669,500	678,600	1,754,300	1,075,700	258.52%	105.08%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8,678,756	10,696,228	11,957,126	1,260,898	111.79%	137.77%
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	7,352,709	7,352,709	7,599,984	247,275	103.36%	103.36%
	Thu bổ sung có mục tiêu	1,326,047	3,343,519	4,357,142	1,013,623	130.32%	328.58%
3	Thu viện trợ		202		-202		
4	Thu ủng hộ đóng góp		47,298		-47,298		
5	Thu từ nguồn năm trước chuyển sang, tăng thu		213,272		-213,272		
II	**Chi ngân sách**	**10,372,456**	**10,792,633**	**13,779,726**	**2,987,093**	127.68%	132.85%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	5,384,753	5,584,689	6,759,140	1,174,451	121.03%	125.52%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	4,987,703	5,207,944	7,020,586	1,812,642	134.81%	140.76%
	- Chi bổ sung cân đối ngân sách	4,986,803	4,986,803	5,162,943	176,140	103.53%	103.53%
	- Chi bổ sung có mục tiêu	900	648,963	1,857,643	1,208,680	286.25%	206405%
III	**Bội chi ngân sách địa phương**	**24,200**	**19,990**	**68,300**	**48,310**	341.67%	282.23%
IV	**Vay để trả nợ gốc**	**9,200**	**8,977**	**9,600**	**623**	106.94%	104.35%
B	**NGÂN SÁCH HUYỆN**						
I	**Nguồn thu ngân sách**	**5,515,003**	**6,334,166**	**7,581,986**	**1,247,820**	119.70%	137.48%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	527,300	698,400	561,400	-137,000	80.38%	106.47%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,987,703	5,635,766	7,020,586	1,384,820	124.57%	140.76%
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách	4,986,803	4,986,803	5,162,943	176,140	103.53%	103.53%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	900	648,963	1,857,643	1,208,680	286.25%	206405%
II	**Chi ngân sách**	**5,515,003**	**6,120,311**	**7,581,986**	**1,461,675**	123.88%	137.48%